

# ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN HỌC CÔNG NGHỆ ORACLE

## I. QUẢN TRỊ ORACLE DATABASE (3đ)

1. Quản lý tablespace
2. Quản lý users
3. Quản lý quyền (Privilege)
4. Quản lý chức danh (Role)

### Bài tập làm thêm:

#### Bài 1.

- Tạo user BOB với mật khẩu ban đầu là a1234 sao cho người dùng phải thay đổi mật khẩu ngay sau khi đăng nhập thành công vào user đó.
- Tạo chức danh LOGIN và gán quyền tạo phiên làm việc cho nó.
- Tạo chức danh ADMIN và gán quyền tạo bảng.
- Gán 2 chức danh vừa tạo cho BOB sao cho nó có thể gán LOGIN cho user khác.
- Tạo bảng dữ liệu trong BOB như sau: DSSV(MSV number,ten nvarchar2(100))
- Hiện thị các chức danh được gán cho BOB.

#### Bài 2.

- Tạo tablespaces **kiemtra** với 2 datafile đặt ở 2 thư mục C:\test1 và D:\test2.
- Thông tin về tên vị trí lưu trữ của các datafile trong tablespace USERS.
- Tạo user emi mặc định ở trạng thái khóa.
- Tạo 2 chức danh Quan\_ly và Truong\_phong và gán 2 chức danh đó cho user vừa tạo. Gán quyền create table cho Quan\_ly, create session cho Truong\_Phong. Thiết lập cho user đó chỉ có chức danh Truong\_phong là mặc định.
- Thu hồi chức danh Quan\_ly từ emi.

#### Bài 3.

- Hiện thị trạng thái tài khoản của tất cả các user, chuyển 1 user về trạng thái khóa.
- Tạo user Emily và giúp user có quyền đăng nhập mà không gán quyền trực tiếp cho user.
- Tạo bảng DEPT(deptno number, dname nvarchar2(30)) trong user Emily. Insert 3 bản ghi: (10, accounting), (20, research), (30, sales) vào bảng DEPT.
- Emi gán quyền select, update trên bảng DEPT của nó cho SCOTT và cho SCOTT quyền gán các quyền đó cho user khác.
- SCOTT thực hiện cập nhật cột dname ở bản ghi có deptno=10 thành "MARKETING".

#### Bài 4.

- Hiện thị thông tin các tablespace trong CSDL bao gồm: tên, trạng thái, số lượng datafile, tổng kích thước của các datafile
- Tạo user **OBAMA** với mật khẩu trùng với tên user và yêu cầu các user phải thay đổi mật khẩu khi đăng nhập. Gán hạn mức trên default tablespace của user là 1MB.
- Tạo chức danh **president** gồm các quyền đăng nhập, tạo bảng trên bất kì schema nào.
- Gán chức danh đó cho OBAMA.
- Thu hồi chức các chức danh của OBAMA.

#### Bài 5.

- Hiện thị tổng dung lượng của các datafile có trong mỗi tablespace.
- Thay đổi mật khẩu của user SCOTT thành ITUTC. Đăng nhập vào SCOTT và truy vấn thông tin các nhân viên ở phòng 10 và lương lớn hơn 1000.
- Tạo user **Merkel** với mật khẩu là germany, hiện thị thông tin tên, ngày tạo các users có trong csdl.

- Gán quyền **update, select** trên bảng EMP của SCOTT cho user Merkel và sao cho Merkel có thể gán quyền **select** trên bảng EMP của SCOTT cho user khác.
- Hiện thị các quyền đối tượng được gán cho Merkel.

#### **Bài 6.**

- Kiểm tra tên, ngày tạo của cơ sở dữ liệu. Liệt kê các datafile chứa trong ổ C:\
- Tạo 1 tablespace có 2 datafile tự động mở rộng.
- Tạo user PUTIN có tablespace mặc định là tablespace vừa tạo, gán cho user đó quyền mà nó có thể gán quyền select trên bất cứ bảng của bất cứ user nào.
- Chuyển user PUTIN sang trạng thái khóa.

Hiện thị các quyền hệ thống có trong chức danh RESOURCE

#### **Bài 7.**

- Hiện thị số lượng các datafile của mỗi tablespace, sắp xếp theo số lượng tăng dần.
- Hiện thị các user có default tablespace là USERS.
- Tạo user BILLGATE có mật khẩu là microsoft được phép sử dụng 10M trên tablespace USERS, mặc định ở trạng thái khóa.
- Mở khóa cho BILLGATE và gán cho user đó chức danh MANGAER chứa các quyền create session, create any table.

BILLGATE tạo bảng test(id int) trong schema của nó và schema của SCOTT.

#### **Bài 8.**

- Thêm vào CSDL tablespace DOCUMENT gồm 2 datafile ở các đường dẫn như sau: c:\data1.dbf và d:\data2.dbf kích thước lần lượt là 1MB và 2MB, cho phép tự động mở rộng kích thước 500KB, kích thước tối đa của datafile là 10MB.
- Tạo user MESSI, RONALDO có DOCUMENT là tablespace mặc định.
- Tạo bảng DEPT(deptno number, dname nvarchar2(30)) trong user MESSI. Insert 3 bản ghi: (10, accounting), (20, research), (30, sales) vào bảng DEPT.
- Messi gán tất cả quyền trên bảng dept của nó cho RONALDO.

RONALDO thực hiện xóa hết dữ liệu trên bảng DEPT của Messi.

#### **Bài 9.**

- Tạo tablespace RECYCLE có 2 datafile đặt tại 2 thư mục khác nhau.
- Tạo user **Francis** sử dụng tablespace vừa tạo ra là tablespace mặc định.
- Tạo user **China**.
- tạo bảng demo(id int) trong user Francis.

Gán tất cả các quyền trên bảng demo của Francis cho China thông qua 1 chức danh.

#### **Bài 10.**

- Tạo các chức danh sau: Quantri, quanly, Chuyenvien.
- Gán quyền create session cho 3 chức danh.
- Gán quyền create table cho Quantri, insert any table cho quanly, update any table cho chuyenvien.
- Tạo 3 user bob, emi, mary có chức danh lần lượt là quantri, quanly, chuyenvien.
- bob tạo bảng Diem\_oracle(msv int, diemSV int).
- Emi nhập 3 bản ghi vào bảng diem\_oracle, Mary thực hiện cộng thêm vào cột diemSV 1 điểm cho những sv có điểm nhỏ hơn 5.

## **II. LẬP TRÌNH ORACLE FORM (7 đ)**

1. Tạo User, Tạo các bảng theo 1 lược đồ CSDL cho trước, hiện thị lược đồ CSDL vừa tạo. (2 đ)
2. Tạo Form dạng Master-Detail (5 đ), trong đó:
  - Giao diện (1 đ)
  - Đầy đủ các chức năng như yêu cầu (3 đ)
  - Thêm, sửa, xóa hoạt động ổn định. (1 đ)

DO NOT COPY